

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình C. Hùng - GD H.
24/02/2011 lp

Số: 07 /2011/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

VĂN PHÒNG THƯỜNG BINH XÃ HỘI
TP. ĐÀ NẴNG
Số: 07/Đ.Đ. ngày 19 tháng 7 năm 2010
Ngày: 04/02/2011
Chuyên:

Về việc sửa đổi, bổ sung mục I, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 của Quốc hội ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Liên bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2007/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung mục I, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố, như sau:

1. Mức trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội và mức trợ giúp đột xuất cho cá nhân, hộ gia đình tại cộng đồng do xã, phường quản lý (theo Phụ lục đính kèm).

Các đối tượng được điều chỉnh ở mục I, khoản 1, Điều 1 được hưởng trợ cấp kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng, Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Đà Nẵng, Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính;
- TVTU, TTHĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Trung tâm THVN tại ĐN;
- Đài Phát thanh-Truyền hình ĐN;
- Báo Đà Nẵng;
- Trung tâm Công báo thành phố;
- CVP, các PCVP UBNDTP;
- Lưu: VTLT, KHTH, VX, NCPC.

104-11

160



Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số **07** /2011/QĐ-UBND
ngày **18** tháng 02 năm 2011 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Đối tượng áp dụng	Mức trợ cấp (đồng)
I	TRỢ CẤP XÃ HỘI TẠI CỘNG ĐỒNG DO XÃ, PHƯỜNG QUẢN LÝ	
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng; trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc thuộc diện nghèo. Trường hợp người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên	
1.1	Từ 18 tháng tuổi trở lên	210.000/người/tháng
1.2	Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên nhưng bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	310.000/người/tháng
1.3	Dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật, bị nhiễm HIV/AIDS	410.000/người/tháng
2	Người cao tuổi cô đơn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc thuộc diện hộ nghèo; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc gia đình thuộc diện hộ nghèo	
2.1	Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa dưới 80 tuổi	210.000/người/tháng
2.2	Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa dưới 80 tuổi bị tàn tật nặng	310.000/người/tháng
2.3	Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa từ 80 tuổi trở lên	310.000/người/tháng
2.4	Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa từ 80 tuổi trở lên bị tàn tật nặng	410.000/người/tháng
3	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên, trong đó:	
3.1	Người từ 80 tuổi đến 89 tuổi không có lương hưu hoặc không có trợ cấp BHXH	210.000/người/tháng
3.2	Người từ 90 tuổi đến 94 tuổi, không kể có thu nhập hay không có thu nhập	210.000/người/tháng
3.3	Người từ 95 tuổi đến 99 tuổi, không kể có thu nhập hay không có thu nhập	230.000/người/tháng
3.4	Người từ 100 tuổi trở lên, không kể có thu nhập hay không có thu nhập	350.000/người/tháng
4	Người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.	
4.1	Người tàn tật nặng không có khả năng lao động	210.000/người/tháng
4.2	Người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ	410.000/người/tháng
5	Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.	310.000/người/tháng
6	Người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc thuộc diện hộ nghèo	310.000/người/tháng
7	Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi (mức trợ cấp tính theo số trẻ nhận nuôi dưỡng)	
7.1	Nuôi trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên	410.000/người/tháng
7.2	Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	520.000/người/tháng
7.3	Nuôi trẻ dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	620.000/người/tháng
8	Hộ gia đình có từ 2 người trở lên bị tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần	
8.1	Có 2 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần	410.000/người/tháng
8.2	Có 3 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần	620.000/người/tháng
8.3	Có 4 người tàn tật nặng trở lên không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần	830.000/người/tháng
9	Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo đang nuôi con dưới 16 tuổi; trường hợp con đang đi học văn hoá, học nghề được áp dụng đến dưới 18 tuổi	
9.1	Nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên	210.000/người/tháng
9.2	Nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	310.000/người/tháng
9.3	Nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	410.000/người/tháng